

Số: 02/2024/QĐST-HNGĐ

Hà Nam, ngày 23 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Huyền Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:***

+ Anh Vũ Như T, sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT: TDP M, phường Gi, thị xã D, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Số 139, ngõ 354, đường H, phường Th, quận Ph, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc).

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: TDP M, phường Gi, thị xã D, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Số 447, đường Ch, quận C, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc).

- Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Vũ Như T để giao nộp tài liệu, nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 2000; nơi ĐKKHKT: 11 M, phường Tr, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Ông Vũ Văn B, sinh năm 1954 và bà Lương Thị H1, sinh năm 1954; cùng trú tại: TDP M, phường Gi, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Phiên họp vắng mặt anh T, chị H, anh Đức A, ông B, bà H1 (các đương sự đều xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai của anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H, nội dung yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H đăng ký kết hôn ngày 21/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Gi, huyện D (nay là phường Gi, thị xã D), tỉnh Hà Nam. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2016, anh T, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian sống và làm việc ở Đài Loan, anh T, chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm ngày càng xa cách. Anh T, chị H đã cố gắng hàn gắn tình cảm và được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng đều không có kết quả. Anh T, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Về con chung: Anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H có 01 con chung là cháu Vũ Quang H2, sinh ngày 13/11/2010. Khi ly hôn, chị H, anh T thống nhất: Giao cháu H2 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T ở nước ngoài, tạm giao cháu H1 cho ông Vũ Văn B và bà Lương Thị H1 (là ông bà nội cháu H2) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Văn B và bà Lương Thị H2 trình bày:

Anh T, chị H kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã Gi, huyện D (nay là phường Gi, thị xã D), tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, anh T, chị H sống cùng với vợ chồng ông bà. Quá trình chung sống, giữa chị H và gia đình ông bà không có điều tiếng gì, ông bà cũng không thấy anh T, chị H có mâu thuẫn gì. Khi sang Đài Loan, anh T, chị H mâu thuẫn như thế nào thì ông bà không biết. Anh T, chị H xin ly hôn là quyền của anh chị, ông bà không có ý kiến gì. Anh T, chị H có 01 con chung là cháu Vũ Quang H2, sinh ngày 13/11/2010. Cháu H2 bị câm, điếc bẩm sinh, đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Khi anh T, chị H sang Đài Loan lao động thì cháu H2 do ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông B, bà H2 nhất trí nhận sự uỷ quyền của anh T, chị H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2 trong thời gian anh T lao động ở Đài Loan cho đến khi anh T trở về Việt Nam. Về tài sản chung, công nợ chung anh T, chị H không có. Do công việc bận nên ông B, bà H1 xin giải quyết vắng mặt. Ngoài các nội dung trên ông B, bà H2 không có yêu cầu gì.

* Tại Biên bản làm việc ngày 08/4/2024 với UBND phường Gi, thị xã D, tỉnh Hà Nam, xác định anh T, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND phường Gi. Về con chung: anh T, chị H có 01 con chung là cháu Vũ Quang H2, sinh ngày 13/11/2010, hiện đang ở với ông, bà nội (ông Vũ Văn B và bà Lương Thị H1), cháu H2 bị khuyết tật tâm, điếc bẩm sinh, hàng tháng được hưởng trợ cấp xã hội. Về tài sản chung, công nợ chung của anh T, chị H, UBND phường không nắm được.

* Tại phiên họp:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 38, Điều 369, Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H; về con chung: giao cháu Vũ Quang H2, sinh ngày 13/11/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trong thời gian anh T không ở Việt Nam, tạm giao cháu H2 cho ông Vũ Văn B và bà Lương Thị H1 chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh T, chị H mỗi người phải nộp 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H hiện đang ở Đài Loan, có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết việc hôn nhân và gia đình là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 1 Điều 37; Điều 361; Điều 362 và Điều 365 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh T, chị H, ông B, bà H1 tại phiên họp: Anh T, chị H, ông B, bà H1 đã có bản tự khai, lời khai tại Tòa án và đều có ý kiến xin được giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ việc vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Gi, huyện D (nay là phường Gi, thị xã D), tỉnh Hà Nam, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu anh T, chị H chung sống hạnh phúc. Năm 2016, anh T, chị H sang Đài Loan lao động và từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống. Nay anh T, chị H xác định không còn tình cảm với nhau và yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình cảm giữa anh T và chị H đã bị rạn nứt trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh T và chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H có 01 con chung là cháu Vũ Quang H2, sinh ngày 13/11/2010. Cháu H2 bị khuyết tật tâm, điếc bẩm sinh, hiện nay đang sống với ông, bà nội (Ông Vũ Văn B và bà Lương Thị H1) và do ông, bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T, chị H thoả thuận thống nhất giao cháu H2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và uỷ quyền cho ông B, bà H1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2 trong thời gian anh T ở Đài Loan cho đến khi anh T trở về Việt Nam. Xét thấy, sự thoả thuận của các đương sự là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho cháu H2 nên chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T, chị H tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H mỗi người phải nộp 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 37, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều 365, khoản 2, khoản 3 Điều 367; Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H, giao cháu Vũ Quang H2, sinh ngày 13/11/2010 cho anh Vũ Như T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi và lao động tự lập được. Chấp nhận sự thoả thuận của anh T, chị H, ông B, bà H1, tạm giao cháu H2 cho ông Vũ Văn B và bà Lương Thị H1 (ông bà nội cháu H2) nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh T hết thời hạn lao động ở Đài Loan trở về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Ngọc H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, anh Vũ Như T và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Quang H2.

3. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Như T và chị Nguyễn Thị Ngọc H mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh T, chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000027, ngày 08/3/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Anh T, chị H đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND phường Gi;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải

